

## QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

# Nhìn lại 20 năm bình thường hóa quan hệ Việt - Trung: TỪ NHẬN THỨC CHUNG ĐẾN THỰC TIỄN

TS. NGUYỄN PHƯƠNG HOA

*Viện Nghiên cứu Trung Quốc*

Ngày 5-11-1991, đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam do Tổng Bí thư Đỗ Mười và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt dẫn đầu thăm Trung Quốc đánh dấu chính thức bình thường hoá quan hệ hai nước, từ đó đến nay, quan hệ Việt – Trung đã trải qua 20 năm củng cố và phát triển. 20 năm so với chiều dài của mối quan hệ lịch sử lâu đời giữa hai dân tộc Việt – Hoa không phải là dài nhưng nếu đặt trong lịch sử quan hệ Việt – Trung hiện đại kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao thì đó lại không phải là một khoảng thời gian ngắn (quan hệ hữu nghị Việt – Trung sau khi hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao cũng chỉ kéo dài hơn 20 năm). Trong 20 năm qua, quan hệ Việt – Trung đã đi từ khôi phục, củng cố đến từng bước định ra khuôn khổ hợp tác đưa quan hệ hai nước phát triển theo chiều sâu, tăng cường hiểu biết, tin cậy.

Kể từ khi bình thường hóa đến nay, thăm viếng lẫn nhau của lãnh đạo cấp cao hai nước đã trở thành truyền thống tốt đẹp. Tổng Bí thư của hai Đảng đã 13 lần thăm viếng lẫn nhau, trong đó Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc thăm Việt Nam 4 lần<sup>(1)</sup>, Tổng Bí thư Việt Nam thăm Trung Quốc 9 lần<sup>(2)</sup>. Chủ tịch nước Việt Nam thăm Trung Quốc 5 lần<sup>(3)</sup>. Thủ tướng hai nước đã 8 lần thăm viếng lẫn nhau, trong đó Thủ tướng Việt Nam thăm Trung Quốc 5 lần<sup>(4)</sup>, Thủ tướng Trung Quốc thăm Việt Nam 3 lần<sup>(5)</sup>. Qua các chuyến thăm, hai bên đã ra 8 Tuyên bố chung<sup>(6)</sup> và 7 Thông cáo chung<sup>(7)</sup>. Các Tuyên bố chung và Thông cáo chung này thể hiện đầy đủ nhận thức chung của lãnh đạo cấp cao hai nước về phát triển quan hệ Việt – Trung trong 20 năm qua.

Tuy nhiên, nhìn từ thực tiễn phát triển của quan hệ Việt – Trung 20 năm qua có thể thấy từ những nhận thức chung này đến thực tiễn vẫn còn khoảng

cách nhất định. Quan hệ Việt - Trung đã phát triển và đạt được nhiều thành tựu đáng kể nhưng bên cạnh đó vẫn tồn tại nhiều vấn đề chưa khắc phục, chưa thực hiện đúng như thỏa thuận của lãnh đạo hai nước. Trên cơ sở các Tuyên bố chung, các Thông cáo chung, bài viết sẽ nhìn lại quan hệ Việt – Trung sau 20 năm bình thường hóa từ nhận thức chung đến thực tiễn trong một số lĩnh vực chính như quan hệ chính trị ngoại giao, quan hệ kinh tế thương mại, vấn đề biên giới lãnh thổ, văn hóa giáo dục, để thấy được mặt được và mặt chưa đạt được.

### **1. Về phát triển quan hệ hai Đảng, hai nước**

Là hai nước láng giềng có lịch sử quan hệ lâu đời lại trải qua một thời gian gián đoạn, ngay sau khi bình thường hóa, lãnh đạo hai nước đã xác định hai nước “phát triển quan hệ hữu nghị và láng giềng thân thiện” (Thông cáo chung 1991), “củng cố và tăng cường hơn nữa quan hệ láng giềng hữu nghị và sự hợp tác cùng có lợi giữa hai nước, làm cho mối quan hệ đó phát triển lâu dài, ổn định” (Thông cáo chung 1994).

Đến năm 1999, trên cơ sở tiếp tục tuân thủ các nguyên tắc được xác định trong các Thông cáo chung từ khi bình thường hoá và nhận thức chung đạt được giữa lãnh đạo hai Đảng, hai nước, trước thêm thế kỷ mới, lãnh đạo hai nước đã xác định khuôn khổ mới cho quan hệ hai nước là “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới

tương lai” (Tuyên bố chung 1999). Tiếp đến, năm 2002, lãnh đạo hai nước nhất trí cho rằng, hai nước và nhân dân hai nước cần phải là “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt, tin cậy lẫn nhau, thông cảm và nhân nhượng lẫn nhau, cùng nhau phát triển” và năm 2005 nhất trí “xây dựng mối quan hệ tin cậy và bền vững”, năm 2008 nâng lên thành “quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”.

Thông qua các cuộc gặp gỡ, lãnh đạo hai bên đã đưa ra nhiều biện pháp cụ thể để quan hệ hai nước ngày càng phát triển, đó là duy trì gặp gỡ cấp cao thường xuyên, tăng cường hơn nữa tiếp xúc hữu nghị và giao lưu hợp tác dưới nhiều hình thức giữa các ban ngành, các tổ chức quần chúng và các địa phương của hai nước, đặc biệt “tăng cường trao đổi, giao lưu hữu nghị giữa thanh niên, thiếu niên hai nước, làm cho sự nghiệp hữu nghị của hai nước Việt Nam - Trung Quốc phát triển toàn diện, truyền tiếp cho các thế hệ mai sau” (Tuyên bố chung 1999).

Thực hiện những thỏa thuận cấp cao của lãnh đạo hai nước, 20 năm qua, quan hệ Việt – Trung đã đi từ khôi phục và củng cố quan hệ theo tinh thần “khép lại quá khứ, mở ra tương lai” đến tăng cường hiểu biết, tin cậy lẫn nhau, phát triển theo hướng ổn định, bền vững. Sự phát triển ấy thể hiện trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị ngoại giao đến kinh tế, thương mại, văn hóa giáo dục..., ở các cấp độ từ hợp tác giữa hai nước đến hợp

tác giữa các địa phương. Lãnh đạo cấp cao thường xuyên thăm viếng lẫn nhau đã trở thành truyền thống của quan hệ Việt – Trung. Hàng năm, có hàng trăm chuyến thăm, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm của các ban ngành các cấp hai nước, như năm 2009, hai nước đã trao đổi 167 đoàn thăm viếng, làm việc, trong đó cấp Thứ trưởng 108 đoàn<sup>(8)</sup>.

Những năm gần đây, tổ chức Đoàn thanh niên hai nước cũng đã triển khai các cuộc giao lưu hữu nghị với quy mô ngày càng lớn và hình thức ngày càng đa dạng, phong phú. Cuộc “Gặp gỡ hữu nghị thanh niên Việt Nam-Trung Quốc” tổ chức tại thành phố Nam Ninh – Quảng Tây (Trung Quốc) năm 2010 với 10.000 người tham gia; Gặp gỡ hữu nghị thanh niên Việt – Trung lần thứ 12 năm 2011 với hơn 400 đại biểu thanh niên. Chương trình cầu truyền hình “Giao lưu Việt - Trung: Láng giềng gần” lên sóng trực tiếp lúc 20h ngày 14-12 trên kênh VTV1, VTV4 và VTV6 Đài Truyền hình Việt Nam và 21h ngày 14-12 trên kênh sóng Đài phát thanh Truyền hình Quảng Tây, Trung Quốc. Những hoạt động này có tác động tích cực đến tình cảm của thanh niên cũng như nhân dân mỗi nước.

Về *quan hệ hai Đảng*, trong cuộc gặp gỡ năm 1991, lãnh đạo cao nhất của hai Đảng nhất trí sẽ khôi phục quan hệ bình thường theo 4 nguyên tắc “độc lập tự chủ, hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau” (Thông cáo chung năm 1991), “trao đổi kinh nghiệm về đổi mới,

mở cửa, lãnh đạo và quản lý đất nước” và “củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa hai Đảng, hai nước, phù hợp với lợi ích cơ bản của hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước...” (Thông cáo chung năm 1995)

Cùng với sự phát triển của quan hệ hai nước cũng như đòi hỏi của thực tiễn, quan hệ hợp tác giữa hai Đảng ngày càng thiết thực, chặt chẽ hơn. Tăng cường mối quan hệ này, đặc biệt là trao đổi, học hỏi lẫn nhau trong vấn đề lý luận đã được nhấn mạnh trong những chuyến thăm của các lãnh đạo cấp cao hai Đảng sau này. Vấn đề hợp tác giữa hai Đảng được đề cập đến một cách cụ thể, nhấn mạnh đến việc tăng cường trao đổi kinh nghiệm, lý luận của hai Đảng trong chuyến thăm Trung Quốc năm 2001 của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh: “Hai Đảng, hai nước đã trao đổi rộng rãi và sâu sắc về những kinh nghiệm đổi mới, cải cách mở cửa, xây dựng Đảng và quản lý nhà nước, lý luận và thực tiễn xây dựng CNXH” (Tuyên bố chung năm 2001). Năm 2002, hai bên nhất trí quan hệ hai nước phải thực hiện 4 tốt, trong đó có nội dung “*đồng chí tốt*”; một trong 5 kiến nghị để phát triển toàn diện quan hệ hai nước là cần tăng cường giao lưu kinh nghiệm về xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước giữa hai Đảng, hai nước.

Thông qua các chuyến thăm, quan hệ giữa hai Đảng đã có bước phát triển thực chất. Trao đổi trong lĩnh vực lý luận, trao đổi kinh nghiệm quản lý đất nước, xây dựng Đảng là một điểm nổi bật,

đánh dấu bước phát triển mới của hai Đảng trong thời gian qua, đồng thời cũng thể hiện, quan hệ giữa hai Đảng không chỉ mang yếu tố hữu nghị mà yếu tố hợp tác cũng ngày càng trở nên rõ nét. Trong những năm gần đây, hai Đảng, hai nước đã phối hợp tổ chức nhiều cuộc hội thảo lớn nhằm trao đổi kinh nghiệm về xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, xây dựng CNXH như Hội thảo “*Chủ nghĩa xã hội - tính phổ biến và tính đặc thù*” (Bắc Kinh, tháng 6 - 2000), “*Chủ nghĩa xã hội - kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc*” (Hà Nội, tháng 11 - 2000); “*Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*” (Bắc Kinh 10-2003); “*Xây dựng đảng cầm quyền - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*” (Hà Nội, tháng 2-2004), Hội thảo lý luận Việt - Trung về xây dựng xã hội XHCN hài hoà (Quý Châu, 7-2008), “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về nông nghiệp, nông thôn, nông dân: Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*” (Nha Trang tháng 11-2008), “*Lý luận và thực tiễn ứng phó với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu – Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*” (Hà Nội, tháng 12-2009), “*Đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*” (Đà Nẵng, tháng 9-2010), “*Mô hình chủ nghĩa xã hội: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” (Hải Phòng, tháng 4-2011)... Những hội

thảo này đã cung cấp cho hai Đảng những kinh nghiệm về xây dựng CNXH, xây dựng Đảng, học tập lẫn nhau, nâng cao trình độ lý luận.

## 2. Về quan hệ kinh tế thương mại

Kinh tế thương mại là một lĩnh vực quan trọng trong hợp tác giữa hai nước Việt – Trung. Lãnh đạo cấp cao hai nước đã luôn quan tâm đưa ra các biện pháp thúc đẩy và đặt ra mục tiêu phấn đấu cho thương mại Việt - Trung. Ngay từ khi bình thường hóa, lãnh đạo hai nước đã xác định nguyên tắc trong quan hệ kinh tế thương mại đó là: “Hai bên nhất trí thúc đẩy sự hợp tác giữa hai nước trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật và văn hoá vv... theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi” (Thông cáo chung 1991), với mục tiêu “thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước không ngừng phát triển trên cơ sở ổn định lâu dài” (Thông cáo chung 1995).

Trong các cuộc gặp gỡ cấp cao, lãnh đạo hai nước đưa ra những nguyên tắc cụ thể hơn như “trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, chú trọng hiệu quả và chất lượng, hình thức đa dạng, cùng nhau phát triển” (Tuyên bố chung 1999), “thực hiện bổ sung ưu thế cho nhau, hai bên cùng có lợi cùng thắng” (Tuyên bố chung 2005).

Những mục tiêu quan trọng nổi bật trong hợp tác kinh tế Việt – Trung được lãnh đạo hai nước xác định đó là “mở rộng mậu dịch với khối lượng và kim

ngạch lớn, khuyến khích và ủng hộ các doanh nghiệp của hai bên triển khai hợp tác các dự án lớn, tạo điều kiện thuận lợi để họ đầu tư lẫn nhau; thúc đẩy mật dịch biên giới hai nước phát triển lành mạnh, có trật tự” (Tuyên bố chung 1999) và đặc biệt là “cùng có biện pháp thúc đẩy thương mại song phương phát triển cân đối”, “thu hẹp dần sự mất cân đối trong thương mại song phương” (Thông cáo chung 2005), “có biện pháp thúc đẩy phát triển cân bằng thương mại; cùng nỗ lực thực hiện trước thời hạn mục tiêu nâng kim ngạch thương mại giữa hai nước lên 10 tỷ USD vào năm 2010” (Thông cáo báo chí chung năm 2006)...

Quan hệ thương mại giữa hai nước đã tăng trưởng nhanh chóng với kim ngạch buôn bán hai chiều tăng từ 32,23 triệu USD năm 1991 lên khoảng 35 tỷ USD năm 2011. Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc năm 2011 đạt 11,12 tỷ USD, tăng 52% so với năm 2010. Kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc trong năm đạt 24,59 tỷ USD, tăng 23% so với năm trước<sup>(9)</sup>. Với đà tăng trưởng mạnh, kim ngạch thương mại Việt – Trung đã luôn hoàn thành trước mục tiêu mà lãnh đạo cấp cao hai nước đề ra như mục tiêu 2 tỷ vào năm 2000 (đạt trên 2,5 tỷ USD), 5 tỷ vào năm 2005 (năm 2004 đạt gần 7,2 tỷ USD), 20 tỷ vào năm 2010 (năm 2008 đạt trên 20,18 tỷ USD), 25 tỷ vào năm 2010 (đạt trên 30 tỷ). Từ năm 2004 đến nay, Trung Quốc liên tục là bạn hàng lớn nhất của Việt Nam.

Tuy nhiên, cùng với tăng trưởng của kim ngạch thương mại song phương, nhập siêu của Việt Nam cũng tăng lên, vì thế không đạt được mục tiêu “thu hẹp dần sự mất cân đối trong thương mại song phương” hay “cải thiện cơ cấu mật dịch, thực hiện phát triển cân bằng mật dịch song phương” như lãnh đạo hai nước đã đề ra. Tốc độ nhập siêu luôn cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng của xuất nhập khẩu nói chung và xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc nói riêng, đặc biệt từ năm 2006 trở lại đây. Theo Tổng cục Hải quan, nhập siêu từ Trung Quốc năm 2011 ở mức 12,47 tỷ USD, tăng 6% so với năm 2010 (trong khi Việt Nam xuất siêu sang Mỹ 12,3 tỷ USD). So với mức nhập siêu của Việt Nam với tất cả nền kinh tế thế giới (9,8 tỷ USD), nhập siêu từ Trung Quốc gấp gần 1,4 lần, năm 2010, tỷ lệ này là 1,3 lần. Nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn từ Trung Quốc vẫn là máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng, vải, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, điện thoại các loại và linh kiện, xăng dầu...<sup>(10)</sup>

Trong các chuyến thăm gần đây, hai bên đã đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy thương mại song phương phát triển cân đối đó là: Trung Quốc cam kết sẵn sàng mở cửa thị trường hơn nữa để hàng hoá của Việt Nam nhất là nông sản, thuỷ sản, thủ công mỹ nghệ có thể vào thị trường Trung Quốc nhiều hơn. Phía Trung Quốc cũng đề cập đến việc khuyến khích các doanh nghiệp Trung

Quốc đầu tư tại Việt Nam để sản xuất hàng ở Việt Nam sau đó xuất khẩu sang Trung Quốc hoặc nước thứ ba. Tuy nhiên, trong thời gian qua, các biện pháp này vẫn tỏ ra chưa có hiệu quả. Trong một vài năm tới, mục tiêu giảm nhập siêu từ Trung Quốc của Việt Nam vẫn rất khó đạt được.

*Trong lĩnh vực đầu tư*, qua các cuộc gặp cấp cao, lãnh đạo hai nước cũng có những định hướng rõ ràng, đó là “khuyến khích và ủng hộ các doanh nghiệp của hai bên triển khai hợp tác các dự án lớn, tạo điều kiện thuận lợi để họ đầu tư lẫn nhau” (Tuyên bố chung 1999). Đặc biệt trong Tuyên bố chung năm 2005, hai bên đã lần đầu tiên nhấn mạnh “*tích cực triển khai đầu tư hai chiều*”. Các lĩnh vực đầu tư cũng từng bước được cụ thể hóa như “tích cực khuyến khích và ủng hộ doanh nghiệp hai bên triển khai hợp tác lâu dài trong các dự án cơ sở hạ tầng và công nghiệp quan trọng, không ngừng nâng cao trình độ và chất lượng hợp tác” (Thông cáo chung 2005) “phát triển công nghiệp chế tạo, nguồn nhân lực, năng lượng, chế biến khoáng sản và các ngành quan trọng khác” (Thông cáo báo chí chung năm 2006).

Tuy trong 10 năm đầu thế kỷ 21, đầu tư trực tiếp của Trung Quốc ở Việt Nam đã tăng cả về số lượng lẫn quy mô dự án nhưng vẫn chưa thực sự tương xứng với quan hệ hai nước cũng như tiềm năng thị trường của Việt Nam, thực lực kinh tế của Trung Quốc. Theo số liệu của Cục

Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2011, Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam 78 dự án với 599 triệu USD, lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 15-12-2011, Trung Quốc có 836 dự án với tổng số vốn theo hiệp định đạt gần 4,34 tỷ USD, đứng thứ 14 trong số 94 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam, chiếm khoảng 2,1% tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại Việt Nam.

Đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam đã có sự chuyển hướng trong lĩnh vực đầu tư, nhưng cho đến nay, Trung Quốc vẫn chưa có dự án đầu tư nào có quy mô đầu tư lớn thuộc ngành nghề có công nghệ cao. Các dự án đầu tư chủ yếu tập trung trong lĩnh vực chế tạo, chế biến công nghệ đơn giản và giá trị thấp như dự án về dịch vụ lắp ráp, tiêu thụ các tủ điện, máy biến thế, cầu dao; sản xuất các loại bao bì kim loại, sản xuất nắp chai, in ấn bao bì, sản xuất văn phòng phẩm; sản xuất lắp ráp điện thoại di động, xe đạp điện và khai thác khoáng sản tại các tỉnh biên giới như xây dựng nhà máy khai thác và chế biến Antimon, khai thác và tuyển quặng sắt tại Hà Giang.

Đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp Việt Nam tại Trung Quốc cũng còn rất khiêm tốn, thấp hơn cả Lào, Campuchia. Theo số liệu thống kê ngày 28-2-2011 của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và đầu tư, tính đến tháng 2-2011, Việt Nam mới có 10 dự án đầu tư tại Trung Quốc với tổng vốn đầu tư gần 12 triệu USD. Từ đầu tư trực tiếp của Trung

Quốc ở Việt Nam và của Việt Nam ở Trung Quốc có thể thấy, yếu tố địa lý gần gũi, sự tương đồng về văn hóa chính trị mà chúng ta vẫn thường coi là lợi thế trong quan hệ hai nước dường như không phải là yếu tố có ý nghĩa thúc đẩy thực sự.

Một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến đầu tư FDI tăng không đáng kể là do Trung Quốc chủ yếu tập trung vào lĩnh vực thầu khoán công trình. Hiện nay, Trung Quốc là nhà thầu nước ngoài lớn nhất ở Việt Nam. Qua kênh này, lợi nhuận của doanh nghiệp, xuất khẩu máy móc thiết bị và công ăn việc làm của nhiều người lao động Trung Quốc được giải quyết. Sự triển khai những thỏa thuận cấp cao như “doanh nghiệp hai bên triển khai hợp tác lâu dài trong các dự án cơ sở hạ tầng và công nghiệp quan trọng, không ngừng nâng cao trình độ và chất lượng hợp tác”, “phát triển công nghiệp chế tạo, nguồn nhân lực, năng lượng, chế biến khoáng sản và các ngành quan trọng khác” có chăng mới chỉ thực hiện dưới dạng nhận thầu công trình của Trung Quốc tại Việt Nam.

Tỉ lệ nhà thầu Trung Quốc trúng thầu các gói thầu EPC rất cao. Hầu hết các dự án trọng điểm về nhiệt điện than, hoá chất, khai khoáng (chế biến Bau xít - nhôm, Alumin Nhân Cơ - Đắk Nông), luyện kim, xi măng, triển khai từ năm 2005 đến nay đều do các nhà thầu Trung Quốc làm tổng thầu EPC. Từ năm 2003 đến nay, nhà thầu Trung Quốc làm tổng thầu EPC 13 dự án nguồn điện (nhiệt điện

than), chiếm gần 30% công suất toàn ngành điện; 5/6 dự án của ngành hóa chất (đạm Urê, DAP), chiếm 83%; 2 dự án chế biến khoáng sản (Tổ hợp Bau xít - nhôm Lâm Đồng và dự án Alumin Nhân Cơ - Đắk Nông), chiếm 100%; 49/62 dây chuyền trong các dự án xi măng, chiếm 79%, chiếm 49,6% về công suất<sup>(11)</sup>.

Tuy nhiên, phần lớn các dự án do nhà thầu Trung Quốc làm tổng thầu đang xuất hiện rất nhiều vấn đề. Trước hết là vấn đề chậm tiến độ bàn giao so với hợp đồng. Thêm nữa, chất lượng thiết bị trong gói thầu EPC không đồng đều, một số chất lượng thấp, ảnh hưởng đến chất lượng toàn bộ công trình và tiến độ triển khai. Đặc biệt, mặc dù luật pháp Việt Nam không cho phép doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức sử dụng lao động phổ thông là người nước ngoài nhưng nhiều nhà thầu EPC Trung Quốc đã đưa vào Việt Nam trái phép rất nhiều lao động phổ thông. Tại công trường xây dựng Nhà máy đạm Ninh Bình có tới 1.988 người Trung Quốc đang làm việc, trong đó có 1.448 lao động không được cấp phép, chỉ có 82 người giữ chức danh tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, 514 người làm kỹ thuật, còn lại là lao động phổ thông, họ đều làm những công việc bình thường như phụ hồ, kéo sắt, kéo cáp... Tình trạng này cũng diễn ra tương tự ở nhiều công trình trên khắp các tỉnh của Việt Nam và đang gây nhiều lo ngại trong dư luận Việt Nam.

Có thể thấy, trong quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam và Trung

Quốc 20 năm qua đã có bước phát triển nhất định. Những thành quả đã đạt được là minh chứng cụ thể cho tính đúng đắn của những định hướng về phát triển quan hệ hai nước mà lãnh đạo cấp cao hai nước đã đề ra, cũng là minh chứng cho thấy quan hệ hai nước đang từng bước phát triển. Tuy nhiên, quá trình phát triển này cũng cho thấy, từ nhận thức chung, thỏa thuận cấp cao đến thực tiễn vẫn còn khoảng cách khá lớn, vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề, trong đó có những vấn đề nếu không được khắc phục sẽ ảnh hưởng đến lợi ích của Việt Nam.

### 3. Về việc giải quyết vấn đề còn tồn tại giữa hai nước

Vấn đề biên giới lãnh thổ luôn là vấn đề được quan tâm, đề cập đến trong các cuộc gặp gỡ cấp cao của lãnh đạo hai Đảng, hai nước. Thông qua những cuộc gặp gỡ của lãnh đạo cấp cao, hai bên đã đạt được nhận thức chung quan trọng và thúc đẩy vấn đề này được giải quyết từng bước thoả đáng. Thông cáo chung năm 1991 đã xác định: “Hai bên đồng ý sẽ tiếp tục có những biện pháp cần thiết nhằm giữ gìn hoà bình và an ninh ở vùng biên giới hai nước, khuyến khích nhân dân ở vùng biên giới hai nước khôi phục và phát triển sự đi lại hữu nghị truyền thống, *xây dựng đường biên giới Việt - Trung thành biên giới hoà bình và hữu nghị*” và “*đồng ý thông qua thương lượng giải quyết hoà bình các vấn đề lãnh thổ, biên giới... tồn tại giữa hai nước*”. Thông cáo chung năm 1994 đã đưa ra mục tiêu “*cố gắng sớm giải quyết*

*vấn đề biên giới trên bộ và phân định Vịnh Bắc Bộ*” và “*hai bên sẽ bàn bạc kịp thời và giải quyết thoả đáng những bất đồng nảy sinh với thái độ bình tĩnh, xây dựng, không để bất đồng ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước*”. Cuộc gặp gỡ giữa hai Tổng Bí thư năm 1995 đã đưa ra phương hướng giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ một cách cụ thể hơn là “*với tinh thần lấy đại cục làm trọng, thông cảm và nhân nhượng lẫn nhau, công bằng hợp lý, hiệp thương hữu nghị, và căn cứ vào luật pháp quốc tế, tham khảo thực tiễn quốc tế, thông qua đàm phán hoà bình giải quyết thoả đáng những vấn đề biên giới lãnh thổ tồn tại giữa hai nước, không để bất đồng ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước*”. Chuyến thăm Trung Quốc năm 1999 của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu nhất trí phải đàm phán giải quyết thật sớm vấn đề lãnh thổ biên giới giữa hai nước và xác định rõ thời hạn ký hiệp ước: “Hai bên quyết tâm đẩy nhanh tiến trình đàm phán, nâng cao hiệu suất công tác, ký kết Hiệp ước về biên giới trên bộ trong năm 1999; giải quyết xong vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ trong năm 2000; cùng nhau xây dựng đường biên giới hai nước trở thành đường biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định”. Quyết tâm của lãnh đạo hai nước đã trở thành nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu của đoàn đàm phán hai bên.

Với quyết tâm chính trị và sự cố gắng của cả hai bên, hai nước đã thực hiện được mục tiêu về giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền. Trải qua gần một thập

ký với 6 vòng đàm phán cấp Chính phủ, 16 vòng đàm phán cấp chuyên viên, ngày 30-12-1999, hai bên đã ký Hiệp ước biên giới trên đất liền. Hiệp ước đã được Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc phê chuẩn vào ngày 29-4-2000 và được Quốc hội Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 9-6-2000, chính thức có hiệu lực từ ngày 6-7-2000.

Từ tháng 9-2002, hai bên tích cực triển khai công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới với tổng số 1533 mốc quốc giới trên đường biên giới đất liền dài khoảng 1350 km. Trong các cuộc gặp gỡ cấp cao năm 2005, năm 2006, lãnh đạo hai nước cũng đưa ra mục tiêu cụ thể, đó là hoàn thành cắm mốc vào năm 2008, ký văn kiện mới về quy chế quản lý biên giới chậm nhất vào năm 2008. Từ tháng 12-2001, theo nguyên tắc dễ trước khó sau, hai bên đã tích cực phối hợp và phân giới trên thực địa toàn tuyến biên giới dài khoảng 1.400km (trong đó có 344 km đường biên giới đi theo 21 sông, suối chính). Ngày 31-12-2008, hai bên đã hoàn thành mục tiêu mà lãnh đạo hai nước đề ra với việc cắm được gần 2000 cột mốc, trong đó có hơn 400 cột mốc phụ.

Vào những ngày cuối cùng của thiên niên kỷ, mới ngày 25-12-2000, hai bên đã ký Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ (Hiệp định phân định trên biển đầu tiên của Trung Quốc với các nước láng giềng có tranh chấp trên biển), Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh

Bắc Bộ sau khi trải qua 7 vòng đàm phán cấp Chính phủ, 18 vòng đàm phán cấp chuyên viên, 9 vòng đàm phán của tổ pháp lý kỹ thuật, 10 vòng đàm phán của tổ hải đồ, 6 vòng đàm phán về nghề cá, riêng năm 2000 có trên 20 vòng đàm phán ở các cấp, các loại. Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ được Quốc hội Việt Nam thông qua Nghị quyết phê chuẩn tại kỳ họp thứ 5 khóa XI ngày 15-6-2004 và được Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc phê chuẩn tại kỳ họp thứ 10 từ ngày 21-25/6/2004. Hiệp định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30-6-2004. Những hiệp định này được ký kết là tiền đề để hai nước thực hiện mục tiêu xây dựng biên giới Việt – Trung thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị. Hai trong ba vấn đề tồn tại giữa hai nước được giải quyết cũng góp phần đưa quan hệ Việt - Trung bước vào thời kỳ phát triển mới.

Trong thời gian qua, hai nước đã triển khai một số hợp tác cụ thể như ký “Thoả thuận ba bên về khảo sát địa chấn biển chung tại khu vực thoả thuận ở Biển Đông” do ba công ty dầu khí Việt Nam (Petro Việt Nam), Trung Quốc (CNOOC), Philippin (PNOC) vào tháng 3 năm 2005; Tổng công ty dầu khí Việt Nam và Tổng công ty dầu khí ngoài khơi quốc gia Trung Quốc ký thoả thuận khung về hợp tác dầu khí trong khu vực thoả thuận ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ (năm 2005); hai bên nối lại hợp tác về thăm dò nguồn lợi thuỷ sản sau hơn 45 năm gián đoạn. Tháng 10-2005, hai bên đã ký kết “Thoả thuận về tuần tra liên hợp trên

vùng biển Vịnh Bắc Bộ giữa hải quân hai nước”, đợt hoạt động đầu tiên bắt đầu từ 27-4-2006 và tiếp đó chương trình tuần tra chung được tổ chức 1 năm 2 lần. Đến cuối năm 2011, hai nước đã thực hiện tất cả 11 chuyến tuần tra liên hợp. Mục đích của hoạt động tuần tra chung này là duy trì an ninh và trật tự trên các khu vực biển gần đường phân định giữa hai nước ở Vịnh Bắc Bộ và trên khu vực đánh bắt cá chung, bảo đảm thực thi theo các Hiệp định Hợp tác nghề cá Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ đã được Chính phủ hai nước ký kết. Mặt khác, hai bên đẩy nhanh việc thực hiện “Thỏa thuận khung về hợp tác dầu khí trong vùng thỏa thuận tại Vịnh Bắc Bộ”, thúc đẩy đàm phán về phân định khu vực ngoài cửa Vịnh.

Tuy nhiên, sau khi Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ được ký kết, trong Vịnh Bắc Bộ vẫn xảy ra một số vụ va chạm ảnh hưởng đến quan hệ Việt – Trung, trong đó điển hình nhất là vụ ngày 8-1-2005, các tàu của Trung Quốc đã nổ súng giết hại 9 ngư dân Việt Nam, nhiều người khác bị thương, hủy hoại trang thiết bị của họ và bắt giam một số ngư dân.

Về vấn đề Biển Đông, trong vòng 20 năm kể từ khi bình thường hóa quan hệ Việt – Trung cho đến nay, nhận thức chung của lãnh đạo hai nước về vấn đề Biển Đông đã được nhắc tới trong hầu hết các Tuyên bố chung và Thông cáo chung. Thông cáo chung năm 1992 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Thủ tướng

Võ Văn Kiệt lần đầu tiên đưa ra: “Trong khi chờ đợi giải quyết, hai bên đều không tiến hành các hoạt động làm phức tạp thêm tranh chấp về biên giới, lãnh thổ”. Đến Thông cáo chung năm 1994 bổ sung thêm “Trong khi chờ đợi giải quyết, hai bên đều không tiến hành các hoạt động làm phức tạp thêm hoặc mở rộng thêm tranh chấp, không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực”. Từ đó trở đi, nhận thức chung này đã được nhắc lại liên tiếp trong các Tuyên bố chung năm 1999, Tuyên bố chung năm 2000, Tuyên bố chung năm 2001. Các Tuyên bố chung năm 2005, Thông cáo chung năm 2005, năm 2006, năm 2008 đều nhấn mạnh: “Hai bên đồng ý nghiêm túc tuân thủ nhận thức chung cấp cao, tuân thủ tôn chỉ và nguyên tắc của “Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông”, cùng giữ gìn ổn định tình hình biển Đông”. Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc năm 2005 lần đầu tiên đưa ra “hai bên sẽ nghiên cứu kỹ vấn đề hợp tác cùng phát triển để tìm được mô hình và khu vực hợp tác cùng phát triển...” Điều này cho thấy nỗ lực của hai bên trong việc giải quyết vấn đề tranh chấp cũng như hợp tác trên biển.

Tuy nhiên, diễn biến trên Biển Đông trong những năm gần đây liên quan đến chủ trương, hành động của Trung Quốc cho thấy nhận thức chung của lãnh đạo hai nước về vấn đề Biển Đông có lúc đã không được thực hiện nghiêm túc, triệt để. Những năm gần đây, Trung Quốc đã có nhiều chính sách, triển khai nhiều

hoạt động thực tế với một mục tiêu duy nhất là tăng cường năng lực kiểm soát và khai thác Biển Đông như tăng cường đầu tư cho quốc phòng, hiện đại hóa quân sự, đặc biệt là hải quân; tăng cường đầu tư cho khai thác xây dựng cơ sở vật chất, lực lượng quản lý giám sát trên Biển Đông. Ngày 13-5-2009, lần đầu tiên Trung Quốc chính thức đưa bản đồ có hình “lưỡi bò” lên Liên Hiệp quốc, ngày 8-11-2009, chính quyền tỉnh Hải Nam đã ra quyết định thành lập ủy ban thôn đảo Vĩnh Hưng và Triệu Thuật, tức đảo Phú Lâm và Đảo Cây thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Ngày 26-12-2009, Trung Quốc ban hành “Luật bảo vệ hải đảo” trong đó đã vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngày 31-12-2009, Quốc Vụ viện Trung Quốc công bố “Một số ý kiến về việc đẩy mạnh phát triển xây dựng đảo du lịch quốc tế Hải Nam”, trong đó có việc thúc đẩy phát triển du lịch tại quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam... Từ ngày 13 đến 31-7-2011, Trung Quốc đã tiến hành thăm dò địa chất ở khu vực từ quần đảo Hoàng Sa đến Trường Sa nhằm thiết lập hồ sơ thăm dò địa chất một cách có hệ thống trong đường địa chất dài 1.000km ở khu vực này. Trung Quốc cũng hoàn thành Trạm thông tin di động trên quần đảo Trường Sa gồm 8 trạm kỹ thuật và 03 trạm vệ tinh mặt đất, phủ sóng thông tin di động cho toàn bộ các đảo đóng quân thuộc quần đảo Trường Sa....

Trung Quốc cũng tăng cường lực lượng giám sát biển và tăng cường năng lực khai thác biển đồng thời ngăn cản và đe dọa sử dụng vũ lực đối với các tàu cá của ngư dân Việt Nam hoạt động bình thường ở Biển Đông; ngăn cản và phá hoại hoạt động thăm dò của một số nước và Việt Nam. Các tàu hải giám của Trung Quốc đã nhiều lần vào sâu trong thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam để phá hoại thiết bị và cản trở hoạt động khảo sát bình thường của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam trong đó nghiêm trọng nhất là vụ việc ngày 26-5-2011 và ngày 9-6-2011. *Vị trí mà tàu Hải giám Trung Quốc phá hoại thiết bị của tàu Bình Minh 02 chỉ cách mũi Đại Lãnh (Phú Yên) 116 hải lý, nằm hoàn toàn trong thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.*

Xung quanh vấn đề tranh chấp Biển Đông, truyền thông Trung Quốc đưa nhiều tin bài có ảnh hưởng không tốt tới quan hệ Việt – Trung. Sau chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, hai bên ký kết “Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết các vấn đề trên biển”, ngày 25-10-2011, Thời báo Hoàn Cầu lại có bài cảnh cáo đích danh Việt Nam cùng một số nước có tuyên bố chủ quyền trên Biển Đông rằng các quốc gia này “cần chuẩn bị tâm lý để nghe tiếng đại bác” nếu như vẫn tiếp tục đối chọi với Trung Quốc. Mặc dù Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Khương Du đã phủ nhận nội dung bài báo mới đây trên tờ Thời báo

Hoàn Cầu, cho rằng bài báo đó không thể hiện quan điểm của Chính phủ nước này, nhưng cho dù đó không phải báo chính thức vẫn tác động đến dư luận một cách không khách quan, làm tổn hại đến quan hệ Việt – Trung.

Nhìn lại quan hệ Việt – Trung sau 20 năm bình thường hóa dưới góc độ từ thỏa thuận cấp cao đến thực tiễn, chúng ta thấy lãnh đạo cấp cao hai Đảng hai nước đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng lòng tin chính trị, xây dựng mối quan hệ láng giềng hữu nghị ổn định, bền vững của lãnh đạo hai nước. Hai bên đã định ra các nguyên tắc, mục tiêu, phương hướng phát triển, biện pháp thực hiện cho từng giai đoạn cũng như với những lĩnh vực hợp tác quan trọng, chủ yếu. Trên cơ sở đó, quan hệ Việt – Trung 20 năm qua từng bước khôi phục và phát triển nhanh chóng, toàn diện, đạt được nhiều thành tựu như: quan hệ chính trị hữu nghị, thương mại, đầu tư tăng trưởng nhanh, giải quyết dứt điểm hai trong ba vấn đề biên giới lãnh thổ. Quan hệ tin cậy và bền vững đang từng bước được khẳng định, nội hàm của quan hệ hợp tác đối tác chiến lược toàn diện đang không ngừng được làm phong phú hơn, sâu sắc hơn.

Tuy nhiên, nhìn từ quá trình phát triển này cũng thấy, nhiều thỏa thuận cấp cao của lãnh đạo hai nước đã không thực hiện được, hoặc không thực hiện hiệu quả. Quan hệ Việt – Trung được định hình phát triển theo phương châm

16 chữ “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” và tinh thần 4 tốt “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt”, hay nói cách khác quan hệ Việt – Trung phải là mối quan hệ láng giềng hữu nghị, tin cậy lẫn nhau, phát triển toàn diện, bền vững và lành mạnh.

Nhưng xét về quan hệ chính trị, nếu nhìn từ các chuyến thăm lẫn nhau của lãnh đạo hai nước, chúng ta sẽ không khỏi băn khoăn khi từ năm 2006 đến cuối năm 2011 chỉ có một chuyến thăm duy nhất của Phó Chủ tịch Trung Quốc đến Việt Nam và đặc biệt chuyến thăm Trung Quốc đầu tiên trên cương vị mới của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng sau những diễn biến căng thẳng ở Biển Đông chỉ là chuyến thăm chính thức, chứ không phải là “hữu nghị chính thức” như thường lệ.

Xét về lĩnh vực kinh tế, Việt Nam thu được nhiều lợi ích khi phát triển quan hệ kinh tế thương mại với Trung Quốc nhưng cũng còn nhiều vấn đề như đã nêu trên khiến dư luận Việt Nam đặt câu hỏi về yếu tố lợi ích kinh tế thực sự, về bình đẳng cùng có lợi, về hợp tác cùng thắng, từ đó làm ảnh hưởng đến niềm tin cũng như mục tiêu phát triển quan hệ Việt – Trung bền vững và lành mạnh.

Vấn đề Biển Đông, vấn đề nhạy cảm nhất, khó khăn nhất trong quan hệ Việt – Trung, đã xuất hiện tình hình phức tạp hơn và đặt ra đòi hỏi giải quyết cấp bách hơn. Tranh chấp là sự thực đã tồn

tại, tuy nhiên những căng thẳng trên Biển Đông liên quan đến hành động của Trung Quốc vừa qua cũng khiến người ta hoài nghi về tinh thần lắng giềng hữu nghị, về tinh thần coi trọng đại cục mà lãnh đạo Trung Quốc luôn nhấn mạnh, về thỏa thuận không làm phức tạp tình hình của lãnh đạo cấp cao hai nước. Vấn đề Biển Đông đã thể hiện đầy đủ sự chi phối mang tính quyết định đến sự phát triển ổn định, lành mạnh của quan hệ Việt – Trung. Nếu như những vấn đề trên chưa được giải quyết, có nghĩa là giữa thỏa thuận cấp cao với thực tế vẫn còn khoảng cách khá lớn sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến mục tiêu xây dựng mối quan hệ tin cậy và bền vững của lãnh đạo hai nước, đồng thời cũng ảnh hưởng đến niềm tin về sức nặng của thỏa thuận cấp cao.

**CHÚ THÍCH:**

- (1) Vào các năm 1994, 2002, 2005, 2006.
- (2) Vào các năm 1991, 1995, 1997, 1999, 2001, 2003, 2006, 2008 và 2011.
- (3) Vào các năm 1993, 2000, 2003, 2005, 2007.
- (4) Vào các năm 1991, 1998, 2000, 2004, 2008.
- (5) Vào các năm 1992, 1999, 2004.
- (6) Đó là các Tuyên bố chung năm 1999 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, năm 2000 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch nước Trần Đức Lương, năm 2001 nhân chuyến thăm

Trung Quốc của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, năm 2005, năm 2006 nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào, năm 2008 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, năm 2008 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, năm 2011 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

(7) Thông cáo chung năm 1991 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Đỗ Mười và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt, năm 1992 nhân chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Quốc vụ viện Lý Bằng, năm 1994 nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Giang Trạch Dân, năm 1995 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Đỗ Mười, năm 2005 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch nước Trần Đức Lương, năm 2006 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, năm 2007 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết.

(8) Đại sứ Trung Quốc Tôn Quốc Tường: Chờ điều kiện chín muồi giải quyết tranh chấp Biển Đông <http://vietnamnet.vn/chinhtri>

(9) <http://gafin.vn/20120120082821996p0c33/nhap-sieu-tu-trung-quoc-2011-dat-gan-135-ty-usd.htm>

(10) <http://gafin.vn/20120120082821996p0c33/nhap-sieu-tu-trung-quoc-2011-dat-gan-135-ty-usd.htm>

(11) TS Nguyễn Hữu Từ, Trung Quốc trúng nhiều gói thầu EPC, vì sao và làm gì? <http://bee.net.vn/channel/4542/201106/Trung-Quoc-trung-nhieu-goi-thau-ePC-vi-sao-va-lam-gi-1802432/>

